

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦN GIUỘC  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2023/DS-ST**

Ngày: **16-01-2023**

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Toàn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Ông Nguyễn Ngọc Huy.**

**2. Bà Nguyễn Thị Kim Cương.**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngày **16** tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 284/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” **theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2022** giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Hồng N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện G, tỉnh Long An.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện G, tỉnh Long An (Văn bản ủy quyền ngày 27/5/2022).

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp K, xã L, huyện G, tỉnh Long An.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông S:* Ông Phạm Tiến B, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Địa chỉ liên lạc: Ngô Quyền, phường 11, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày

05/12/2022).

**(Ông Đ có mặt. Ông B vắng mặt)**

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 26/5/2022, lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau:*

Ngày 20/5/2019, bà Lê Thị Hồng N có cho ông Nguyễn Thanh S vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 05%/tháng. Bà N đã giao đủ tiền cho ông S. Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ, tuy Bà N đã đòi nhiều lần nhưng ông S không trả nợ cho Bà N. Do đó, Bà N khởi kiện yêu cầu ông S trả cho Bà N số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và lãi suất trong hạn 1.6%/tháng kể từ ngày 20/5/2019 đến ngày 20/8/2019 là 9.600.000 đồng. Lãi trên nợ gốc quá hạn là 2.4%/tháng từ ngày 21/8/2019 đến ngày 21/5/2022 là 33 tháng, số tiền 158.400.000 đồng. Lãi trên nợ lãi chậm trả 0.8%/tháng là 2.534.400 đồng. Tổng cộng Bà N yêu cầu ông S trả số tiền 370.534.400 đồng. Bà N yêu cầu tiếp tục tính lãi trên nợ gốc chậm trả và lãi trên nợ lãi chậm trả đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Yêu cầu trả số tiền trên một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Bà N không yêu cầu gì thêm.

*Tại biên bản hòa giải và bản tự khai ngày 06/12/2022 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn-Ông Phạm Tiến B trình bày:*

Ông B thừa nhận ông S có nợ của Bà N số tiền 200.000.000 đồng. Về thời hạn vay, lãi suất đúng như lời Ông Đ đã trình bày. Chữ ký trong giấy mượn tiền ngày 20/5/2019 là của ông S ký tên. Tuy nhiên, nay ông S hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nên ông xin không trả nợ lãi, chỉ đồng ý trả nợ gốc.

Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc đã tiến hành hòa giải và công khai chứng cứ trong vụ án. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án do đó vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày như trong quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị Hồng N khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Nguyễn Thanh S. Ông S hiện có hộ khẩu thường trú tại huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An nên xác định quan hệ tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, Tòa án nhân dân huyện

Cần Giuộc thụ lý giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Đ có mặt tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Phạm Tiến B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Ông B.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về số tiền nợ gốc: Bà Lê Thị Hồng N yêu cầu ông Nguyễn Thanh S trả cho bà số tiền nợ vay 200.000.000 đồng. Bà N cung cấp giấy mượn tiền ngày 20/5/2019, thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày 20/5/2019 đến ngày 20/8/2019. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận ông S có vay của Bà N số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng. Chữ ký và chữ viết trong giấy mượn tiền là của ông S. Đây là sự việc không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Thời hạn vay các bên thỏa thuận là 03 tháng, tuy nhiên đến thời hạn trả nợ, ông S không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay do đó yêu cầu khởi kiện của Bà N là có căn cứ nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 466 bộ luật dân sự.

[3.2] Về tiền lãi: Theo giấy mượn tiền ngày 20/5/2019 và quá trình giải quyết vụ án các bên thừa nhận, lãi suất khi vay các bên thỏa thuận là 05%/tháng, thời hạn vay 03 tháng từ ngày 20/5/2019 đến ngày 20/8/2019. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án Bà N yêu cầu tính lãi suất trong hạn mức lãi suất 1.6%/tháng kể từ ngày 20/5/2019 đến ngày 20/8/2019 là 03 tháng, thành tiền là 9.600.000 đồng. Lãi trên nợ gốc quá hạn với mức lãi suất 2.4%/tháng từ ngày 21/8/2019 đến ngày 21/5/2022 là 33 tháng số tiền 158.400.000 đồng. Lãi trên nợ lãi chậm trả với mức lãi suất 0.8%/tháng, từ ngày 21/8/2019 đến ngày 21/5/2022 là 33 tháng thành tiền là 2.534.400 đồng. Tổng cộng Bà N yêu cầu ông S trả số tiền nợ gốc và lãi là 370.534.400 đồng. Bà N yêu cầu tiếp tục tính lãi trên nợ gốc quá hạn chậm trả với mức lãi suất 2.4% và lãi trên nợ lãi chậm trả 0.8%/tháng đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Bị đơn ông S chỉ đồng ý trả nợ gốc, không đồng ý trả lãi. Xét thấy, theo thỏa thuận của các bên khi vay lãi suất là 05%/tháng, thời hạn vay 03 tháng, khi đến hạn ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán không trả nợ gốc, nợ lãi cho Bà N do đó Bà N khởi kiện yêu cầu ông S trả nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn và lãi của nợ lãi trong hạn là có căn cứ. Người đại diện theo ủy quyền của ông S có ý kiến không đồng ý trả lãi nhưng không được Bà N chấp nhận. Đồng thời yêu cầu về tiền lãi của Bà N theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án không vượt quá mức lãi suất quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm

phán Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận. Do đó buộc ông S phải trả cho Bà N tiền lãi như sau:

- Lãi trong hạn từ ngày 20/5/2019 đến ngày 20/8/2019 là 03 tháng, mức lãi suất 1.6%/tháng = 9.600.000 đồng.

- Lãi quá hạn từ ngày 21/8/2019 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 16/01/2023 là 40 tháng, 26 ngày, mức lãi suất 2.4%/tháng = 196.160.000 đồng.

- Lãi trên nợ lãi chậm trả từ ngày 21/8/2019 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 16/01/2023 là 40 tháng, 26 ngày, mức lãi suất 0.8%/tháng = 3.138.560 đồng.

**Tổng cộng ông S phải trả cho Bà N số tiền nợ lãi là 208.898.560 đồng.**

[4] Từ những phân tích, nhận định nêu trên. Có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng N với bị đơn ông Nguyễn Thanh S. Buộc ông S phải trả cho Bà N tổng số tiền nợ gốc và lãi là 408.898.560 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự số; Điều 466, 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh S.

Buộc ông Nguyễn Thanh S phải trả cho bà Lê Thị Hồng N số tiền nợ gốc 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, nợ lãi 208.898.560 (Hai trăm lẻ tám triệu tám trăm chín mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi) đồng. Tổng cộng 408.898.560 (Bốn trăm lẻ tám triệu tám trăm chín mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh S phải chịu 20.356.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Lê Thị Hồng N số tiền tạm ứng án phí 9.263.000 đồng theo biên lai thu số 0013301 ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

3. Về kháng cáo: **Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.** Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VK SND huyện Cần Giuộc;
- CC.THADS huyện Cần Giuộc
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tọng Toàn**